TÒA PHÚC THẨM **TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2026/HS-PT
Ngày 15/01/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Ý

Ông Phạm Văn Công

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Châu Loan - Thư ký Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 257/2025/TLPT-HS ngày 02 tháng 10 năm 2025 đối với bị cáo Đỗ Cao T, do có kháng cáo của bị cáo Đỗ Cao T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 64/2025/HS-ST ngày 18/8/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Bị cáo có kháng cáo:

Đỗ Cao T, sinh năm 1980 tại tỉnh Lâm Đồng; nơi đăng ký thường trú: Số F, phường X - Đ, tỉnh Lâm Đồng *(Địa chỉ cũ: Số F P, Phường A, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng);* nơi cư trú: Hẻm C, đường C, phường X - Đ, tỉnh Lâm Đồng *(Địa chỉ cũ: Hẻm C, đường C, Phường C, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng)*; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông, bà: Không rõ; vợ: Tạ Thái H, sinh năm: 1981 *(Đã ly hôn);* con: có 01 con, sinh năm 2007.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 10/6/2024. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 01 - Công an tỉnh L; *Có mặt.*

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Vũ Thành N - Luật sư thuộc Văn phòng L, thuộc Đoàn luật sư tỉnh L; *Có mặt.*

- *Bị hại:* Bà Võ Thị A, sinh năm: 1965; nơi cư trú: Số E đường X, phường L - Đ, tỉnh Lâm Đồng; *Có mặt.*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Đào Văn M *(Tên gọi khác: Đào Đức M1),* sinh năm: 1970; nơi cư trú: Số G đường H, phường C - Đ, tỉnh Lâm Đồng *(Địa chỉ cũ: Số G đường H, Phường E, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng)*; *Vắng mặt.*

2. Ông Nguyễn Minh H1, sinh năm: 1963; nơi cư trú: Số A P, phường C - Đ, tỉnh Lâm Đồng *(Địa chỉ cũ: Số 121b/1 P, Phường G, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng); Vắng mặt.*

3. Ông Hà Xuân N1, sinh năm: 1988; nơi cư trú: Hẻm E Làng H, phường C - Đ, tỉnh Lâm Đồng *(Địa chỉ cũ: Hẻm E Làng H, Phường E, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng); Có mặt.*

- *Người làm chứng:*

1. Bà Nguyễn Thị G, *(Tên gọi khác: T1)* sinh năm: 1977; nơi cư trú: Số C P, phường L - Đ, tỉnh Lâm Đồng *(Địa chỉ cũ: Số C P, Phường H, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng); Vắng mặt.*

2. Ông Trần Trung H2, sinh năm: 1997; nơi cư trú: Số H N, phường C - Đ, tỉnh Lâm Đồng *(Địa chỉ cũ: Số H N, Phường F, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng)*; *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đỗ Cao T là trẻ mồ côi, từ nhỏ được Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh L, nuôi ăn học hết lớp 5/12 thì nghỉ học. Sau đó T chuyển ra ngoài sinh sống và làm nghề lái xe thuê. Thời điểm tháng 7/2022, thông qua sự giới thiệu của bà Nguyễn Thị G thì T biết bà Võ Thị A, sinh năm 1965, nơi cư trú: 5 X, phường G, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Qua trao đổi bà A nói năm 2009, gia đình bà A mua một thửa đất diện tích khoảng 10.000 m^2, đất nông nghiệp, thuộc một phần thửa đất số 7129, tờ bản đồ số 36, thuộc địa chỉ: phường G, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do có nhu cầu làm Trích đo địa chính có giá trị pháp lý để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng đất của bà A mua đang bị tranh chấp, bà A đã liên hệ với nhiều người, liên hệ cơ quan nhà nước để làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng chưa làm được. Sau khi nghe bà A nói về tình trạng pháp lý và thông tin về việc chưa làm được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như trên thì T đưa ra thông tin có nhiều mối quan hệ quen biết nên có thể làm được dịch vụ cho bà A. Trong thời gian này ông Nguyễn Minh H1, sinh năm: 1963, nơi cư trú: A P, Phường G, thành phố Đ, tỉnh

Lâm Đồng, cũng có thửa đất khai phá diện tích 4.000m^2, thuộc một phần thửa đất số 7129, tờ bản đồ số 36, thuộc địa chỉ: Phường G, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, đặt vấn đề nhờ bà Võ Thị A làm dịch vụ trích đo vị trí thửa đất có giá trị pháp lý làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do diện tích đất của ông H1 nằm trong một phần thửa đất số 7129 nên bà A đã đứng ra để nhận tiền của ông H1 và đặt vấn đề làm trích đo vị trí thửa đất có giá trị pháp lý để làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H1 với T thì T đồng ý.

Sau đó T đưa bà A đến U, thành phố Đ để xin đo đạc có xác nhận của U, tại đây T và bà A được trả lời đất có tranh chấp, không thể làm được. Lúc này, T đã biết rõ là đất không thể làm được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng vẫn đưa ra thông tin có các mối quan hệ có khả năng làm được và yêu cầu bà A phải đưa khoản tiền nhiều hơn để thực hiện. Ngày 26/7/2022, T đến nhà bà A tại C N, Phường G, thành phố Đ để bàn bạc cùng thỏa thuận về việc làm dịch vụ, tại đây các bên thống nhất để ông T đi làm dịch vụ: Làm trích đo vị trí thửa đất có giá trị pháp lý đủ điều kiện làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, T đưa ra chi phí làm dịch vụ làm trích đo vị trí thửa đất có giá trị pháp lý đủ điều kiện làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 550.000.000 đồng *(Bao gồm của bà A và của ông H1);* Chi phí khi ra được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà T đưa ra là 1.5 tỷ đồng, thời hạn làm dịch vụ trong vòng 10 tháng, cam kết sẽ ra được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà A, trường hợp không làm được thì hoàn trả lại số tiền đã nhận. Ngoài ra, nếu như T làm được trích đo địa chính có giá trị pháp lý để làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà A sẽ thưởng thêm cho T diện tích 500m^2 đất trong phần diện tích đất được cấp.

Sau khi các bên thoả thuận thống nhất, trong ngày 26/7/2022, bà A đã chuyển khoản 100.000.000 đồng vào tài khoản số 0110976985 tại Ngân hàng Đ1 đứng tên Đỗ Cao T, đây là khoản tiền tạm ứng để T làm thủ tục trích đo vị trí thửa đất có giá trị pháp lý làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà A; Ngày 30/7/2022, bà A tiếp tục chuyển tiếp số tiền 100.000.000 đồng vào tài khoản trên cho T để làm thủ tục trích đo vị trí thửa đất có giá trị pháp lý làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H1. Sau khi nhận tiền từ bà A, ngày 27/7/2022 T chuyển khoản số tiền 50.000.000 đồng và ngày 31/7/2022 chuyển tiếp số tiền 50.000.000 đồng vào tài khoản V số 0561000608436 của anh Hà Xuân N1, sinh năm 1988, nơi cư trú: Hẻm E H, phường E, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng – là kỹ sư đo đạc địa chất thuộc Công ty TNHH Đ2, để nhờ anh N1 làm dịch vụ trích đo địa chính có giá trị pháp lý để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi nhận tiền, ông N1 đã liên hệ với Trần Trung H2, sinh năm 1999, nơi cư trú: H N, Phường F, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng (thời điểm này là nhân viên chi nhánh V1 đất đai thành phố Đ), để làm dịch vụ trích đo địa chính. Tuy nhiên, được trả lời thửa đất không thể làm trích đo được vì lý do không có cây trồng trên đất nên anh N1 đã thông báo với T kết quả nêu trên, đồng thời ngày 07/8/2022 anh N1 đã chuyển trả lại số tiền 100.000.000 đồng đã nhận từ T.

Như vậy, từ thời điểm này, bản thân T biết rõ thửa đất số 7129, tờ bản đồ số 36, thuộc địa chỉ: phường G, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, của bà A không thể

thực hiện được việc trích đo địa chính có giá trị pháp lý để làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, thay vì hoàn trả lại số tiền đã nhận thì T lại tiếp tục hứa hẹn sẽ làm và đưa ra thông tin gian dối với bà A có các *"Đại ca" "các Sếp"* của T sẽ làm được dịch vụ theo yêu cầu cho bà A. Từ đó, làm cho bà A tin tưởng thông tin T đưa ra là thật có khả năng, có các mối quan hệ quen biết sẽ làm được dịch vụ cấp trích đo địa chính có giá trị pháp lý để làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà A. Do đó bà A vẫn tiếp tục nhờ T giải quyết hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà A. Bản thân T, không quen biết *"Đại ca"* hay *"Các Sếp"* nào, cũng không đưa tiền cho tổ chức cá nhân nào để làm dịch vụ trích đo hoạ đồ có giá trị pháp lý cũng như để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà A mà T sử dụng vào mục đích cá nhân. Tuy nhiên, T lại đưa ra thông tin gian dối có *"Đại ca"* có *"Các Sếp"* sẽ làm được dịch vụ theo thỏa thuận với bà A. Để cho bà A tiếp tục tin tưởng, T liên hệ với Trung tâm K và phát triển quỹ đất tỉnh Lâm Đồng để ký hợp đồng đo đạc hiện trạng sử dụng đất cho vị trí thửa đất của bà Võ Thị A và ông Nguyễn Minh H1 với tổng chi phí chỉ có 16.763.000 đồng. Đây là dịch vụ ký kết giữa cá nhân và Trung tâm chỉ để đo đạc nhằm vẽ bản đồ hiện trạng thửa đất, không có giá trị pháp lý liên quan đến thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. T biết rõ *"Bản đồ hiện trạng sử dụng đất"* do Trung tâm K và phát triển quỹ đất tỉnh Lâm Đồng, đo đạc cho thửa đất của bà A, ông H1, không có giá trị pháp lý để làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng T lại đưa ra thông tin gian dối về việc bản đồ này có giá trị pháp lý, có dấu đỏ của Trung tâm K và phát triển quỹ đất tỉnh Lâm Đồng, từ đó làm cho bà A, ông H1 tin tưởng rằng T đã làm được Trích đo địa chính có giá trị pháp lý để làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trước khi giao *"Bản đồ hiện trạng sử dụng đất",* T còn yêu cầu bà A, ông H1 phải giao thêm số tiền 350.000.000 đồng còn lại, đồng thời buộc bà A phải làm giấy viết tay cho tặng 500m^2 đất cho T thì T mới bàn giao *"Bản đồ hiện trạng sử dụng đất"* cho bà Võ Thị A và ông Nguyễn Minh H1. Do tin tưởng giấy tờ T đưa cho là trích đo vị trí đất có giá trị pháp lý để làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ngày 30/9/2022, bà A đã chuyển khoản 350.000.000 đồng từ số tài khoản 2218051965 tại Ngân hàng M2 qua tài khoản số 0110976985 tại Ngân hàng Đ1 đứng tên Đỗ Cao T và ký giấy tặng cho đất với T theo các thoả thuận trên.

Sau khi nhận được bản đồ đo đạc hiện trạng sử dụng đất thì bà A tiếp tục đặt vấn đề với T để làm dịch vụ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích mà T đã làm *"Bản đồ hiện trạng sử dụng đất"* trước đó. Lúc này, T biết rõ *"Bản đồ hiện trạng sử dụng đất"* mà T đưa cho bà A không phải bản đồ trích đo địa chính có giá trị pháp lý để làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, biết rõ thửa đất của bà A không thể làm được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng T tiếp tục đưa ra thông tin gian dối về việc T đưa tiền cho *"Đại ca"* của T để làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà A, làm cho bà A tin tưởng T có *"Đại ca" là* người có khả năng làm được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ngày 15/12/2022, bà A đã giao thêm cho T số tiền 300.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, T không thực hiện công việc gì, không chi tiền cho cá nhân, tổ chức nào để làm dịch vụ làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà A

Ngày 20/3/2023, T liên hệ yêu cầu bà A chuyển thêm số tiền 280.000.000 đồng chi phí đưa cho *"Đại ca"* để làm dịch vụ cấp GCN quyền sử dụng đất. Tin tưởng thông tin T đưa ra là thật nên bà A đã chuyển khoản vào tài khoản của T số tiền 280.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, T chỉ làm đơn kiến nghị đứng tên bà Võ Thị A gửi đến UBND thành phố Đ để đề nghị cấp đất, ngoài ra T không liên hệ với bất cứ cơ quan, tổ chức nào để làm dịch vụ cho bà A.

Ngày 17/7/2023, T tiếp tục yêu cầu bà A phải giao thêm 150.000.000 đồng với lý do để T tiếp tục làm dịch vụ; ngày 25/7/2023, T tiếp tục đề nghị bà A đưa thêm 12.000.000 đồng với lý do để mua cây tùng trồng trên đất, hứa hẹn sau một tháng sẽ ra được GCN quyền sử dụng đất đứng tên bà A. Tin tưởng những thông tin mà T đưa ra là thật nên bà A đã giao cho T thêm 162.000.000 đồng. Tuy nhiên sau đó không có việc T trồng cây tùng trên đất hoặc liên hệ với tổ chức cá nhân nào để giải quyết hồ sơ cho bà A. Như vậy, Tổng số tiền bà A đã giao cho T để làm dịch vụ làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đã được trích đo là 742.000.000 đồng.

Đối với số tiền này T không chi cho cá nhân, tổ chức nào liên quan đến việc làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo như cam kết với bà A, mà sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân hết số tiền này. Do không thấy T làm được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên bà A nhiều lần yêu cầu T hoàn trả lại tiền nhưng T không trả mà yêu cầu bà A phải cắm mốc bàn giao 500m^2 đất đã làm giấy tay cho T trước đó thì mới hoàn trả lại tiền của thửa đất thì mới trả tiền cho bà A. Nên bà A đã làm đơn tố cáo Đỗ Cao T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L. *(BL: 837- 986; 987-1163; 1165- 1198; 1199- 1216; 1217-1252; 1277-1287).*

Biện phạm tư pháp: Tạm giữ của Đỗ Cao T : 01 Điện thoại di động hiệu SamSung Galaxy M51, Màu đen; có gắn 02 sim điện thoại. (BL: 15). Nguyễn Thành Đ giao nộp 500.000.000 đồng vào tài khoản tạm gửi số 3949.0.9076112.00000, của Văn phòng Cơ quan CSĐT Công an tỉnh L tại Kho bạc nhà nước tỉnh L. Đối với số tiền này Cơ quan điều tra Công an tỉnh L đã ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả số tiền 500.000.000 đồng cho bà Võ Thị A *(BL: 141; 520; 523).*

Tại biên bản làm việc về kiểm tra xác định hiện trạng sử dụng đất của thửa đất số 7129, tờ bản đồ số 36, thuộc địa chỉ phường G, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng ngày 27/4/2024 xác định: Toàn bộ diện tích đất bỏ hoang, không canh tác, trên đất có vài cây thông mọc tự nhiên, cỏ dại mọc um tùm; Trong thời gian từ ngày 26/7/2022 đến nay thì không tiếp nhận hồ sơ xin cấp GCN QSD đất đối với thửa 7129, tờ bản đồ số 36, thuộc địa chỉ phường G, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, cũng không hướng dẫn hay trả hồ sơ nào của người tên là Đỗ Cao T *(BL: 174)*

Tại biên bản làm việc ngày 11/4/2024 với U, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng xác định: Liên quan đến thửa đất số 7129, tờ bản đồ số 36, phường G, TP Đ, tỉnh Lâm Đồng, thì năm 2018 thửa đất trên đã được đưa ra ngoài quy hoạch 3 loại rừng theo Quyết định số 2016 của UBND tỉnh L. Sau khi đưa ra khỏi quy hoạch 3 loại

rừng thì hiện nay UBND tỉnh L và UBND thành phố Đ chưa có kế hoạch sử dụng đất liên quan đến thửa đất trên. Do chưa có kế hoạch sử dụng đất đồng thời kiểm tra đối chiếu Sổ mục kê địa chính quyền số 4, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L ký vào ngày 15/6/2018, lưu trữ tại UBND phường U thể hiện thửa đất số 7129, thuộc tờ bản đồ số 36 không có người sử dụng, quản lý đất, tổng diện tích là 20.085m^2, loại đất nông nghiệp, từ trước đến nay chưa có người canh tác sử dụng trên đất.

Ngày 17/4/2022 bà Võ Thị A có đơn kiến nghị đến U và U để đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến ngày 04/12/2023 U có công văn số 8301/UBND-NN về việc không chấp nhận kiến nghị được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sản xuất nông nghiệp đối với thửa đất số 7129, thuộc tờ bản đồ số 36.

Trong thời gian từ ngày 26/7/2022 đến tháng 04/2024 không có cá nhân, tổ chức nào đến UBND phường U, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, để nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 7129, Tờ bản đồ số 36, thuộc địa chỉ: Phường G, TP Đ, tỉnh Lâm Đồng. (*BL: 177)*

Tại Công văn số: 404 ngày 10/5/2024 của trung tâm K và phát triển quỹ đất tỉnh Lâm Đồng trả lời: Bản đồ hiện trạng sử dụng đất đo đạc theo yêu cầu của Võ Thị A; Nguyễn Minh H1 được trung tâm K và phát triển quỹ đất tỉnh Lâm Đồng được ban hành *"Để biết diện tích đất đang sử dụng thực tế"*; không phải là bản đồ đo đạc địa chính hay trích đo địa chính theo TT25/2014/TT/BTNMT phục vụ cho công tác cấp GCNQSDĐ. *(BL: 211)*

Căn cứ công văn số 308-CCTT/VPĐĐĐL ngày 18/02/2024, thể hiện không có cá nhân, tổ chức nào liên hệ với Chi nhánh Văn phòng Đ3, để nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 7129, Tờ bản đồ số 36, thuộc địa chỉ: Phường G, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. (BL: 159).

Bị hại bà Võ Thị A, sinh năm: 1965, địa chỉ: 5 X, phường G, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng bị chiếm đoạt tổng số tiền là 1.292.000.000 đồng. Trong đó, giai đoạn điều tra bị cáo đã khắc phục được 500.000.000 đồng cho bà A.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 64/2025/HS-ST ngày 18/8/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã quyết định:

1. Về tội phạm và hình phạt:

Tuyên bố bị cáo Đỗ Cao T phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*

Áp dụng điểm a, khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đỗ Cao T 14 (*Mười bốn*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam. *(Ngày 10/6/2024)*

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Đỗ Cao T tiếp tục có nghĩa vụ bồi thường cho bà Võ Thị A số tiền 792.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 27/8/2025, bị cáo Đỗ Cao T kháng cáo toàn bộ bản án.

Diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo Đỗ Cao T vẫn giữ nguyên kháng cáo, kháng cáo xin giảm hình phạt.

Bị cáo Đỗ Cao T đề nghị xem xét lại hành vi của bị cáo thông qua 02 giai đoạn:

Giai đoạn thứ nhất, việc thỏa thuận giữa bị cáo và bà Võ Thị A về việc trích đo họa đồ: Giữa hai bên chỉ thỏa thuận với nhau về việc Trích đo hiện trạng thửa đất số 7129, tờ bản đồ số 36, thuộc địa chỉ Phường G, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng có dấu mộc của cơ quan chức năng, không có việc thỏa thuận Trích đo họa đồ địa chính làm căn cứ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau khi thỏa thuận thì bị cáo đã thực hiện đúng công việc như thỏa thuận nên không có việc đưa ra thông tin gian dối đối với bà Võ Thị Anh . Ngoài ra, trong số tiền 550.000.000 đồng mà bị cáo đã nhận từ bà Võ Thị A có số tiền 350.000.000 đồng của ông Nguyễn Minh H1, cũng là người có nhu cầu đo đạc thửa đất 7129 nêu trên nhưng ông H1 không tố giác, thắc mắc, khiếu nại gì đối với bị cáo. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại hành vi của bị cáo.

Giai đoạn thứ 2, sau khi thực hiện xong thủ tục trích đo Họa đồ thửa đất 7129, tờ bản đồ số 36, thuộc địa chỉ Phường G, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng có dấu mộc của cơ quan chức năng thì giữa bị cáo và bà Võ Thị A tiếp tục thỏa thuận việc bị cáo làm thủ tục để cấp quyền sử dụng đất đối với thửa đất trong thời hạn là 12 tháng với số tiền 742.000.000 đồng. Tuy nhiên, bị cáo đang trong quá trình thực hiện công việc thì bà Võ Thị A tố cáo cơ quan chức năng và tự ý chấm dứt thỏa thuận, do đó sự việc này là quan hệ dân sự, vì vậy đối với hành vi này bị cáo không phạm tội.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Đối với kháng cáo của bị cáo Đỗ Cao T. Bị cáo biết đất của bà A không làm được giấy tờ. Bị cáo nhận của bà A 550.000.000 đồng để làm trích đo có giá trị pháp lý để làm được sổ. Bà A chuyển khoản cho bị cáo 200.000.000 đồng, bị cáo nhờ người làm. Anh N1 không làm được đã trả lại tiền cho bị cáo. Bị cáo lại yêu cầu bà A đưa thêm tiền. T liên hệ với Trung tâm K và phát triển quỹ đất tỉnh Lâm Đồng để ký hợp đồng đo đạc hiện trạng sử dụng đất cho vị trí thửa đất của bà Võ Thị A và ông Nguyễn Minh H1 với tổng chi phí chỉ có 16.763.000 đồng. Đây là dịch vụ ký kết giữa cá nhân và Trung tâm chỉ để đo đạc nhằm vẽ bản đồ hiện trạng thửa đất, không có giá trị pháp lý liên quan đến thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. T biết rõ "Bản đồ hiện trạng sử dụng đất" do Trung tâm K và phát triển quỹ đất tỉnh Lâm Đồng đo đạc cho thửa đất của bà A, ông H1 không có giá trị pháp lý để làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng T lại đưa ra thông tin gian dối về việc bản đồ này có giá trị pháp lý, có dấu đỏ của Trung tâm K và phát triển quỹ đất tỉnh Lâm Đồng, từ đó làm cho bà A, ông H1 tin tưởng rằng T đã làm được Trích đo địa chính có giá trị pháp lý để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trước khi giao "Bản đồ hiện trạng sử dụng đất", T còn yêu cầu bà A, ông H1 phải giao thêm số tiền 350.000.000 đồng còn lại, đồng thời buộc bà A phải làm giấy viết tay cho tặng 500m^2 đất cho T thì T mới bàn giao "Bản đồ hiện trạng sử dụng đất" cho bà Võ Thị A và ông Nguyễn Minh H1. Sau khi nhận được bản đồ đo đạc hiện trạng sử dụng đất thì bà A tiếp tục đặt vấn đề với T để làm dịch vụ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích mà T đã làm *"Bản đồ hiện trạng sử dụng đất"* trước đó. Lúc này, T biết rõ *"Bản đồ hiện trạng sử dụng đất"* mà T đưa cho bà A không phải bản đồ trích đo địa chính có giá trị pháp lý để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, biết rõ thửa đất của bà A không thể làm được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng T tiếp tục đưa ra thông tin gian dối về việc T đưa tiền cho *"Đại ca"* của T để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà A, làm cho bà A tin tưởng T có *"Đại ca"* là người có khả năng làm được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ngày 15/12/2022, bà A đã giao thêm cho T. Tổng số tiền bà A giao cho T là 1.292.000.000 đồng.

Trong thời gian từ ngày 26/7/2022 đến tháng 04/2024 không có cá nhân, tổ chức nào đến U, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, để nộp hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 7129, tờ bản đồ số 36, thuộc địa chỉ: Phường G, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Tại Công văn số: 404 ngày 10/5/2024 của Trung tâm K và phát triển quỹ đất tỉnh Lâm Đồng trả lời: Bản đồ hiện trạng sử dụng đất đo đạc theo yêu cầu của Võ Thị A; Nguyễn Minh H1 được Trung tâm K và phát triển quỹ đất tỉnh Lâm Đồng được ban hành *"Để biết diện tích đất đang sử dụng thực tế"*; không phải là bản đồ đo đạc địa chính hay trích đo địa chính theo TT25/2014/TT/BTNMT phục vụ cho công tác cấp GCNQSDĐ. Căn cứ công văn số 308-CCTT/VPĐĐĐL ngày 18/02/2024, thể hiện không có cá nhân, tổ chức nào liên hệ với Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đ3, để nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 7129, tờ bản đồ số 36, thuộc địa chỉ: Phường G, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Cấp sơ thẩm xử bị cáo tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* mức án 14 năm tù có căn cứ. Bị cáo có một tình tiết giảm nhẹ. Án sơ thẩm không áp dụng điểm g khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là có thiếu sót. Mức án tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày: Bị cáo kháng cáo 02 phần. Giai đoạn 1 thực hiện yêu cầu thiết lập bản đồ đo đạc, không có dấu hiệu gian dối. Giai đoạn 2 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khấu trừ các chi phí bị cáo thực hiện, xác định hậu quả để làm căn cứ giảm nhẹ hình phạt. Thoả thuận của bà A và T không có văn bản xác định yêu cầu của bà A, thiết lập bản đồ có dấu đỏ. BL 162-169 thể hiện khi ký Hợp đồng đo đạc, bà A và bà H1 thực hiện ký với Trung tâm K, Hợp đồng ghi rõ tại Điều 1 mục đích đo đạc để biết diện tích thực tế đang sử dụng. Bà A, ông H1 biết được hiện trạng sử dụng đất. Bà A đã sử dụng hoạ đồ này. Tiền chênh lệch là tranh chấp dân sự. Bà A, ông H1 biết được nội dung, yêu cầu bị cáo T thực hiện. Công văn số: 404 ngày 10/5/2024 của Trung tâm K và phát triển quỹ đất tỉnh Lâm Đồng trả lời: Bản đồ hiện trạng sử dụng đất đo đạc theo yêu cầu của Võ Thị A; Nguyễn Minh H1 được Trung tâm K và phát triển quỹ đất tỉnh Lâm Đồng ban hành *"*Để biết diện tích đất đang sử dụng thực tế". Bị cáo gian dối hoạ đồ có giá trị pháp lý, không có cơ sở quy kết bị cáo việc này. Bị cáo thực hiện khi bà A nhờ bị cáo cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đất gia đình bà A đang tranh chấp. Bị cáo liên hệ ông Hồ C để rút đơn tranh chấp. Bị cáo có nói tác động đất và trồng cây giống, liên hệ ông M mua 300 cây giống, có chuyển khoản đặt cọc. Tháng 10/2022 bà A yêu cầu bị cáo chuyển khoản lại tiền. BL 920,917, bị cáo chuyển khoản lại cho bà A 3.000.000 đồng và 50.000.000 đồng mà bà A chuyển khoản lại cho bị cáo. Án sơ thẩm không xem xét cho bị cáo những vấn đề này, không đúng số tiền bị cáo chiếm đoạt. Cần xem xét lại giai đoạn 1 về bản đồ có giá trị pháp lý. Bà A là người ký hợp đồng. Bà A biết nội dung, không thể cáo buộc cho bị cáo như lời bà A. Bị cáo không có hành vi gian dối, đây là tranh chấp dân sự. Số tiền 724.000.000 đồng bị cáo gian dối chiếm đoạt, bị cáo trả 90.000.000 đồng không được xem xét. Khoản chi phí bị cáo trình bày, bị cáo làm, án sơ thẩm chưa xem xét như phát ranh, làm cỏ, ứng mua cây giống. Hội đồng xét xử xem xét đánh giá. Số tiền 500.000.000 đồng trả cho bị cáo khắc phục cho bà A để xem xét lại việc khắc phục của bị cáo. Bị cáo thừa nhận việc bị cáo thực hiện. Bị cáo không quanh co, chối tội. Bị cáo thực hiện đúng, không có gian dối, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, đánh giá đúng bản chất từng giai đoạn, đánh giá số tiền bị cáo chiếm đoạt, áp dụng hình phạt cho bị cáo. Ông H1 không có đơn tố cáo, bà A nhận tiền của ông H1 tố cáo bị cáo. Bị cáo không chiếm đoạt của ông H1 nên không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo hợp tác, khai báo thành khẩn. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giai đoạn 1 và 2, khấu trừ các chi phí. Bị cáo mồ côi cha mẹ, sống ở Trung tâm B, nhận thức pháp luật bị cáo chưa đầy đủ, không có cuộc sống môi trường giáo dục của gia đình. Hội đồng xét xử ghi nhận giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo T trình bày: Thống nhất ý kiến của Luật sư.

Bà A trình bày: Luật sư trình bày không đúng. Bị cáo T nói đất ông C tranh chấp là sai. Ông C chết, không có tranh chấp đất tại U. Bà tin tưởng bị cáo T, không xem nội dung hợp đồng. Hợp đồng ký sau.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh trình bày: Đánh giá từ đầu, chứng minh bị cáo biết hay không biết. Mục đích của bị hại nhờ bị cáo làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trích đo, đo vẽ phải có giá trị pháp lý để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bị cáo đã cùng bị hại đến Phường và biết không thể cấp giấy. Bị cáo nói có thể làm được. Bị cáo nhờ N1, anh H2 trả lời không làm được và trả lại tiền cho bị cáo. Từ UBND Phường, Văn phòng đăng ký đất đai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Mục đích của bà A nhờ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bị cáo gian dối ngay từ đầu. Biết thửa đất tranh chấp, bị cáo vẫn nhận, nói có "Đại ca", có sếp yêu cầu đưa tiền. Bị cáo nhận tiền tiêu xài, góp vốn mua đất. Bị cáo không được áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là do bị cáo khai báo sự kiện chưa có ăn năn nên không thể áp dụng tình tiết này cho bị cáo. Cần xử lý nghiêm khắc. Án sơ thẩm xử bị cáo về tội danh, hình phạt có căn cứ, không oan sai, tương xứng tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày: Bị cáo đề nghị xem xét giai đoạn 1. Số tiền 90.000.000 đồng bị cáo trả bà A từ năm 2022 chưa được xem xét. Áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo, bị cáo thừa nhận sự việc, không phủ nhận, có thực hiện công việc.

Bà A trình bày: Khoản tiền liên quan đến việc làm ăn với bà G, không phải sự việc này.

Bị cáo T trình bày: Bị cáo biết lỗi sai ở giai đoạn 2, mong muốn Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Đỗ Cao T thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu.

Bị cáo thừa nhận có thực hiện hành vi làm trích lục, làm sổ cho bà Võ Thị Anh . Bị cáo thừa nhận có nhận số tiền 1.292.000.000 đồng nhưng việc này giữa bị cáo và bị hại có thỏa thuận làm dịch vụ, bị cáo đã thực hiện đúng như cam kết giữa hai bên nên bị cáo không phạm tội.

Xét thấy, bị cáo không được bị hại ủy quyền; không có chức năng, nhiệm vụ gì liên quan đến việc trích đo họa đồ địa chính hoặc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi tìm hiểu, bị cáo đã biết và nhận thức rõ thửa đất số 7129, tờ bản đồ số 36, thuộc địa chỉ Phường G, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng không đủ điều kiện để cấp quyền sử dụng đất. Biết rõ họa đồ đo đạc hiện trạng sử dụng đất chỉ

nhằm "*Để biết diện tích đất đang sử dụng thực tế*"; không phải là bản đồ đo đạc địa chính hay trích đo địa chính làm cơ sở cấp quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, bị cáo vẫn đưa ra các thông tin gian dối, không đúng sự thật về việc quen biết người có thẩm quyền có khả năng làm được trích đo địa chính có giá trị pháp lý, trên cơ sở này có thể làm được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 7129, tờ bản đồ số 36, thuộc địa chỉ Phường G, thành phố Đ làm cho bị hại bà Võ Thị A tin tưởng nhiều lần giao cho bị cáo tổng số tiền 1.292.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, trên thực tế bị cáo chỉ tiến hành nhờ Trung tâm K và phát triển quỹ đất tỉnh Lâm Đồng đo hiện trạng, không làm thủ tục đo đạc địa chính; còn đối với việc đăng ký kê khai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bị cáo không thực hiện mà sử dụng tiền để chi tiêu, sử dụng cá nhân.

Bị cáo khai rằng giữa bị cáo không đưa ra thông tin gian dối, giữa bị cáo và bị hại đều có sự thỏa thuận về việc trích đo hiện trạng, thỏa thuận về việc làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đưa ra được bất cứ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh, trong khi đó bị hại hoàn toàn phủ nhận lời khai của bị cáo. Trong khi đó, hồ sơ vụ án thể hiện: Trong thời gian từ ngày 26/7/2022 đến tháng 04/2024 không có cá nhân, tổ chức nào đến U, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, để nộp hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 7129, tờ bản đồ số 36, thuộc địa chỉ: Phường G, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Tại Công văn số: 404 ngày 10/05/2024 của Trung tâm K và phát triển quỹ đất tỉnh Lâm Đồng trả lời: Bản đồ hiện trạng sử dụng đất đo đạc theo yêu cầu của bà Võ Thị A; ông Nguyễn Minh H1 được Trung tâm K và phát triển quỹ đất tỉnh Lâm Đồng được ban hành *"Để biết diện tích đất đang sử dụng thực tế";* không phải là bản đồ đo đạc địa chính hay trích đo địa chính theo TT25/2014/TT/BTNMT phục vụ cho công tác cấp GCN quyền sử dụng đất. Công văn số 308-CCTT/VPĐĐĐL ngày 18/02/2024 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Đ3 thể hiện không có cá nhân, tổ chức nào liên hệ với Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Đ3, để nộp hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 7129, tờ bản đồ số 36, thuộc địa chỉ: Phường G, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng (BL 159). Do đó, có thể đánh giá lời khai của bị cáo là không có căn cứ, không phù hợp.

Riêng đối với số tiền 350.000.000 đồng, bị cáo nhận trực tiếp từ bà Võ Thị A với mục đích hứa đo đạc họa đồ địa chính cho bà A, ông Nguyễn Minh H1 không quen biết bị cáo, không trực tiếp thỏa thuận với bị cáo mà chỉ thông qua bà Võ Thị A, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với việc chiếm đoạt số tiền này; nghĩa vụ dân sự đối với bà A.

Luật sư đề nghị trừ tiền bị cáo đã thực hiện, có chứng từ chi tiền. Bà A không thừa nhận bị cáo có làm gì trên đất của bà A.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phiên toà sơ thẩm và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Đỗ Cao T, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[3.1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Đỗ Cao T về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội.

[3.2] Về hình phạt:

Hành vi của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, tính chất, mức độ phạm tội là đặc biệt nghiêm trọng, không chỉ trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản được pháp luật bảo hộ, mà còn gây bất ổn cho xã hội; gây nghi ngờ, mất niềm tin của người dân đối với cơ quan Nhà nước trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai.

Đề nghị của đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị giảm hình phạt cho bị cáo không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Đỗ Cao T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo luật định.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Toà án nhân dân số 81/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 85/2025/UBTV QH15 phê chuẩn đề nghị của Chánh án Toà án nhân dân tối cao về việc thành lập các Toà Phúc thẩm, Cục, Vụ và tương đương, Cơ quan báo chí của Toà án nhân dân tối cao;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đỗ Cao T. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 64/2025/HS-ST ngày 18/8/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đỗ Cao T 14 (*Mười bốn*) năm tù về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam. *(Ngày 10/6/2024)*

Tiếp tục tạm giam bị cáo theo Quyết định của Hội đồng xét xử để đảm bảo việc thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Đỗ Cao T tiếp tục có nghĩa vụ bồi thường cho bà Võ Thị A số tiền 792.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Đỗ Cao T phải nộp 200.000 đồng.

4. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 64/2025/HS-ST ngày 18/8/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm VKSNDTC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Công an tỉnh Lâm Đồng;
- Trại tạm giam 02 - Công an tỉnh Lâm Đồng;
- Bị cáo (Trại tạm giam tổng đạt);
- Lưu (Án - NTCL).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Đinh Ngọc Thu Hương